nagaco®

CÔNG TY CP MAY NAM ĐỊNH

Số: 05/2022/TTr-HĐQT

V/v phương án tăng vốn điều lệ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần May Nam Định

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn Luật Doanh nghiệp;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;*
- *Căn cứ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 109/QĐ-VSD ngày 20/08/2021;*
- *Căn cứ Quy chế về hoạt động đăng ký và chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 108/QĐ-VSD ngày 20/08/2021;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần May Nam Định đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;*
- *Căn cứ các văn bản pháp luật có liên quan.*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần May Nam Định (Công ty) kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của của Công ty, cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết tăng vốn điều lệ

Trong thời gian tới, Công ty dự kiến sẽ mở rộng quy mô nhà xưởng nhằm đẩy mạnh phát triển các hoạt động kinh doanh tiềm năng và cốt lõi, phù hợp với xu hướng cạnh tranh trên thị trường và gia tăng nguồn thu cho Công ty với mục tiêu doanh thu tối thiểu đạt 500 tỷ đồng/ năm.

Do vậy, với các định hướng kinh doanh của Công ty trong thời gian tới, việc tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nhằm mở rộng quy mô kinh doanh, gia tăng các hạn mức vay vốn, tăng cường tiềm lực tài chính và năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường là cần thiết và phù hợp. Bên cạnh đó, với việc tăng vốn điều lệ này, Công ty mong muốn sẽ tái đầu tư vốn đúng mục đích nhằm đem lại sự gia tăng mới về lợi ích lâu dài cho các cổ đông cũng như kỳ vọng vào việc gia tăng giá trị của toàn Công ty và giá trị cổ phiếu của Công ty đối với các nhà đầu tư.

II. Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

1. **Chứng khoán phát hành**: Cổ phiếu Công ty Cổ phần May Nam Định
2. **Loại cổ phiếu**: Cổ phiếu phổ thông
3. **Mệnh giá cổ phiếu**: 10.000 đồng/cổ phiếu
4. **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành**: 3.000.000 (*Ba triệu*) cổ phiếu
5. **Vốn điều lệ hiện tại**: 30.000.000.000 (*Ba mươi tỷ*) đồng
6. **Số cổ phần từng loại cổ phần ưu đãi**: Không có
7. **Số lượng cổ phiếu quỹ**: Không có
8. **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành**: 2.000.000 (*Hai triệu*) cổ phiếu
9. **Tổng giá trị phát hành** *(theo mệnh giá)*: 20.000.000.000 (*Hai mươi tỷ*) đồng
10. **Tỷ lệ phát hành** (*Số lượng cổ phiếu phát hành thêm/ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành*): 66,67%
11. **Đối tượng phát hành**: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu
12. **Tỷ lệ thực hiện quyền**: 15:10 (tại thời điểm chốt danh sách, cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu sẽ được hưởng 01 (một) quyền, cổ đông sở hữu 15 (Mười lăm) quyền sẽ được quyền mua thêm 10 (mười) cổ phiếu mới
13. **Giá chào bán cổ phiếu phát hành thêm**: Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu được tham chiếu theo giá trị sổ sách của cổ phiếu tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

    Giá trị sổ sách của cổ phiếu tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021: 19.612 đồng/cổ phần.

    Giá thị trường: Giá thị trường giao dịch của cổ phiếu NJC tại thời điểm 23/03/2022 là: 20.400 đồng/cổ phiếu (giá đóng cửa) (nguồn: hnx.vn)

    Như vậy, giá chào bán được xác định thấp hơn giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính năm 2021 và thấp hơn so với giá trị cổ phiếu NJC tại ngày 23/03/2022. Theo quy định tại Điều 126 Luật Doanh nghiệp, Công ty sẽ được phép phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá không cao hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất. Ngoài ra do đã có tính đến ảnh hưởng của việc điều chỉnh giá cổ phiếu tại ngày thực hiện quyền, nên HĐQT Công ty xin ý kiến ĐHĐCĐ Công ty thông qua phương án phát hành cho cổ đông hiện hữu với giá 15.000 đồng/cổ phiếu để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu được thành công.

    - Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu:
    - Tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với quyền mua cổ phiếu phát hành ("Ngày giao dịch không hưởng quyền"), giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{(PT_{t-1} \times \text{Số lượng CP đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng cổ phiếu phát hành thêm})}{\text{Số lượng CP đang lưu hành} + \text{Số lượng CP phát hành thêm}}$$

    - Trong đó:
        + P_{tc}: Giá tham chiếu tại Ngày giao dịch không hưởng quyền
        + PT_{t-1}: Giá đóng cửa của cổ phiếu trước phiên giao dịch không hưởng quyền
        + PR: Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu
    - Trong trường hợp giá thị trường của cổ phiếu tại thời điểm chào bán nhỏ hơn mệnh giá thì giá thị trường tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ không bị điều chỉnh.

- Ngoài ra, trong đợt chào bán cổ phiếu có thể bao gồm các rủi ro pha loãng khác như: Pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu – EPS (Earning Per Share); Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu – BVPS (Book Value Per Share).

14. **Phương thức phát hành**: Phân phối trực tiếp cho cổ đông hiện hữu
15. **Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu**: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày **chốt** danh sách cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ chuyển nhượng một lần (không chuyển nhượng cho người thứ ba)
16. **Điều kiện hạn chế chuyển nhượng**: Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng.
17. **Phương án làm tròn**: Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số lượng phát hành.
    Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 1235 cổ phiếu, số cổ phiếu phát hành thêm cổ đông A được mua như sau: 823,333 cổ phiếu. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu mà Cổ đông A được quyền mua là 823 cổ phiếu
18. **Xử lý cổ phiếu lẻ, phát sinh, số cổ phần mà cổ đông không thực hiện quyền (nếu có)**:
    - Số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu chưa phân phối hết (gồm số cổ phiếu lẻ phát sinh ra do làm tròn trên đây và số cổ phần còn dư do cổ đông không thực hiện một phần hoặc toàn bộ quyền mua) sẽ ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục chào bán cho các cổ đông hiện hữu và các đối tượng khác với giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và với tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư để tiếp tục chào bán dự kiến theo mục 19 Phương án này.
    - Việc chào bán cho các đối tượng khác nêu trên phải đảm bảo quy định về sở hữu chéo tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
    - Việc chào bán cho các đối tượng khác nêu trên phải đảm bảo tuân thủ Điều 42, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
    - Cổ phiếu không phân phối hết sau thời hạn quy định (kể cả thời gian gia hạn phân phối) sẽ được hủy bỏ.
    - Số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu mà cổ đông từ chối thực hiện quyền mua sau khi chào bán cho các nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
19. **Dự kiến tiêu chí lựa chọn các nhà đầu tư để chào bán cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu được phê duyệt**:
    - Nhà đầu tư được lựa chọn để phân phối cổ phiếu nêu trên phải thỏa mãn tiêu chí theo thứ tự ưu tiên như sau:
        (i) Người lao động hiện đang công tác trong Công ty tính tới thời điểm Chốt danh sách họp ĐHĐCĐ thường niên thông qua Phương án chào bán;
        (ii) Khách hàng, Nhà cung cấp truyền thống có quan hệ hợp tác lâu năm có nhu cầu đầu tư cổ phiếu NJC;
        (iii) Và các cổ đông hiện hữu khác nếu có nhu cầu đầu tư thêm cổ phiếu NJC.
20. **Điều khoản khác**:
    - Thực hiện quy định của Luật Chứng khoán, đợt chào bán để huy động vốn thực hiện dự án đầu tư phải đảm bảo các nhà đầu tư mua tối thiểu 70% số cổ phiếu dự kiến chào bán.

- Trường hợp nhà đầu tư mua cổ phiếu không đạt 70% số cổ phần dự kiến chào bán (để huy động vốn để tài trợ cho dự án đầu tư), đợt phát hành sẽ bị hủy bỏ và Công ty sẽ có trách nhiệm hoàn trả lại tiền mua cổ phần cho các nhà đầu tư đã nộp tiền mua cổ phần trước đó.
- Trường hợp đợt chào bán bị hủy bỏ, nhà đầu tư đã nộp tiền sẽ được nhận lại tiền mua cổ phiếu đã nộp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày NJC nhận được chấp thuận của UBCKNN về việc hủy bỏ đợt phát hành.
- Trong trường hợp đợt phát hành bị hủy bỏ, Tổ chức Phát hành cam kết thanh toán đúng hạn khoản tiền mà Nhà đầu tư đã nộp. Quá hạn thanh toán, Tổ chức phát hành sẽ phải thành toán khoản đã nộp của Nhà đầu tư và khoản lãi cho thời gian quá hạn với mức lãi suất 150% lãi suất kỳ tiền gửi tiết kiệm cá nhân tương ứng với thời hạn tả muộn do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán.

21. **Sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại doanh nghiệp**: Tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0%

    HĐQT xây dựng phương án phân phối cổ phiếu đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt tỷ lệ tối đa theo quy định.

22. **Đăng ký giao dịch bổ sung và đăng ký chứng khoán với cổ phiếu phát hành thêm**: Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm cho các cổ đông hiện hữu sẽ được đăng ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và niêm yết bổ sung theo đúng quy định của pháp luật

23. **Thời gian thực hiện dự kiến**: Sau khi được UBCKNN chấp thuận và dự kiến trong năm 2022.

24. **Mục đích phát hành**: Đầu tư dự án "Cải tạo, sửa chữa trụ sở Công ty Cổ phần May Nam Định và Trung tâm phát triển mẫu" tại số 46 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định.

25. **Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành**: Tiền thu được từ đượt phát hành sẽ được sử dụng cho việc đầu tư dự án "Cải tạo, sửa chữa trụ sở Công ty Cổ phần May Nam Định và Trung tâm phát triển mẫu" tại số 46 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định.

    Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán tính theo giá chào bán dự kiến (15.000 đồng/cổ phần) là 30.000.000.000 (Ba mươi tỷ) đồng được sử dụng như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán đầu tư	Kế hoạch tài trợ		
			Nguồn vốn hợp pháp khác	Vốn phát hành CP	Vốn vay
1	Dự án "Cải tạo, sửa chữa trụ sở Công ty Cổ phần May Nam Định và Trung tâm phát triển mẫu"	130.000	9.000	30.000	91.000
	Tổng cộng	**130.000**	**9.000**	**30.000**	**91.000**

Tiến độ giải ngân dự kiến tiền thu được từ đợt phát hành như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Dự án đầu tư	Tháng 7/2022	Tháng 9/2022
1	Dự án "Cải tạo, sửa chữa trụ sở Công ty Cổ phần May Nam Định và Trung tâm phát triển mẫu"	**10.000**	**20.000**
	Tổng cộng	**30.000**	

26. **Phương án bù đắp thiếu hụt vốn**

- Đảm bảo bố trí nguồn vốn tự có để đáp ứng nhu cầu đầu tư của Dự án "Cải tạo, sửa chữa trụ sở Công ty Cổ phần May Nam Định và Trung tâm phát triển mẫu" tại số 46 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định.
- Thông qua việc sử dụng nguồn vốn tín dụng từ các ngân hàng thương mại để bảo bảo đủ và kịp thời nguồn vốn cho dự án đầu tư của Công ty.

27. **Thời gian thực hiện dự kiến đến thời điểm giải tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán**

STT	CÔNG VIỆC	THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ KIẾN (ngày làm việc)
1	Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên thông qua phương án chào bán	25 ngày
2	Hoàn thiện bộ hồ sơ chào bán	7 ngày
3	Nộp hồ sơ chào bán, UBCKNN xem xét hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán	30 ngày
4	Chốt quyền và thực hiện phân phối cổ phiếu	30 ngày
5	Báo cáo kết quả chào bán với UBCKNN	7 ngày
6	Giải tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán	-
	Tổng cộng	**99 ngày**

III. Cơ cấu cổ đông hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm.

IV. Nội dung đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua "*Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu*".

2. Thông qua việc đăng ký lưu ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu.

3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao cho HĐQT:

- Chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện nội dung "Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu" theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền *(nếu có)*, đảm bảo việc tăng vốn điều lệ của Công ty được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.

- Thông qua nội dung sửa đổi và ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty phù hợp với mức vốn điều lệ, số lượng cổ phần tăng thêm.
- Quyết định, thông qua các nội dung cần thiết để triển khai thực hiện thủ tục tăng vốn điều lệ, phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, sửa đổi đăng ký doanh nghiệp, đăng ký lưu ký chứng khoán bổ sung, đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu và các thủ tục khác theo quy định của Pháp luật.
- Quyết định các vấn đề khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt.

Nam Định, ngày 22 tháng 04 năm 2022

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Minh Đức

PHỤ LỤC 01

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

THÔNG QUA PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

(Tính theo số liệu tại ngày đăng ký cuối cùng ngày 21/03/2022 để chốt danh sách tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, số liệu cuối cùng theo kết quả phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thực tế của Công ty)

STT	Tên cổ đông	Mã số doanh nghiệp	Số cổ phần sở hữu hiện tại (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu hiện tại (%)	Địa chỉ	Số cổ phần dự kiến phát hành thêm	Giá trị cổ phần phát hành thêm dự kiến (đồng)	Số cổ phần sở hữu dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ (cổ phần)	Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành (đồng)	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ (%)
I	**Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty**									
1	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	100100008	900,000	30	25 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	600,000	6,000,000,000	1,500,000	15,000,000,000	30
2	Phạm Quang Ánh	161390439	432,025	14.4	Số 24 Tổ 2 Đ. A3 Thống nhất - Nam Định	288,016	2,880,160,000	720,041	7,200,410,000	14.4
3	Phạm Duy Hạnh	161580709	438,900	14.63	114 - Máy tơ - Nam Định	292,600	2,926,000,000	731,500	7,315,000,000	14.63
II	**Các cổ đông khác**									
1	Chu Bá Huệ	121114519	200	0.006	86/34 NGUYỄN THị MINH KHAI - TP BMT - ĐAKLAK	133	1,330,000	333	3,330,000	0.006
2	Doãn Thùy Ninh	037188004073	200	0.006	So 24 Ngo 95/65A/10 Thuy Linh Linh Nam Hoang Mai Hà Nội	133	1,330,000	333	3,330,000	0.006
3	Hoàng Quyết	161720964	66,550	2.218	22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	44,366	443,660,000	110,916	1,109,160,000	2.218
4	HỒ NGỌC HƯƠNG	186759125	200	0.006	Khu 7 tầng, Xuân Lâm, thị xã Nghi Sơn	133	1,330,000	333	3,330,000	0.006

5	Hồ Đức Thắng	183820898	2,500	0.083	Xuân Liên, Nghi Xuân, Hà Tĩnh	1,666	16,660,000	4,166	41,660,000	0.083
6	Kiều Thu Hiền	001187009700	25,000	0.833	80 Ngách 165/97 Ngõ 165, Phố Chợ Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	16,666	166,660,000	41,666	416,660,000	0.833
7	Lê Văn Vương	036095003271	1,200	0.04	2/168 Phạm Ngũ Lão, Phường Mỹ Xá, Nam Định, Nam Định	800	8,000,000	2,000	20,000,000	0.04
8	NGUYỄN DUY NAM	031079007651	2,500	0.083	183/3/24 LƯU CHÍ HIẾU, PHƯỜNG 10, VŨNG TÀU, BÀ RỊA - VŨNG TÀU	1,666	16,660,000	4,166	41,660,000	0.083
9	Nguyễn Quang Bảo	001075010479	25,000	0.833	Phòng 111209 tòa nhà T11, KĐT Times City, 458 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	16,666	166,660,000	41,666	416,660,000	0.833
10	NGUYỄN THẾ QUYỀN	281384734	100	0.003	119/6/46 Đường Hoàng Hoa Thám, Phường Hiệp Thành	66	660,000	166	1,660,000	0.003
11	Nguyễn Thị Kim Lý	019163000053	5,000	0.166	1 Ngo 118 Nguyen Khanh Toan Cau Giay	3,333	33,330,000	8,333	83,330,000	0.166
12	Phùng Thị Oanh	001163019011	37,500	1.25	Số 80 ngách 165/97 Ngõ 165 phố Chợ Khâm Thiên - HN	25,000	250,000,000	62,500	625,000,000	1.25
13	Phạm Ngọc Bình	036084000553	700	0.023	87/87 tổ 4 Phố Yên Duyên, Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Hanoi, Viet Nam	466	4,660,000	1,166	11,660,000	0.023

14	Trần Hữu Thiệu	012986478	33,500	1.116	Phòng 17.07 Nhà 18T2 Trung Hòa-Nhân Chính, Hà Nội	22,333	223,330,000	55,833	558,330,000	1.116
15	Trần Thùy Dương	036190010311	200	0.006	2/168 Phạm Ngũ Lão, Phường Mỹ Xá, Nam Định, Nam Định	133	1,330,000	333	3,330,000	0.006
16	Trần Trung Tuyến	036078000690	18,400	0.613	P1134-CT8B KĐT Đại Thanh, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	12,266	122,660,000	30,666	306,660,000	0.613
17	Đỗ Văn Huy	001086019710	2,500	0.083	P1403 Tòa 21T2 CC Hapulico, 83 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, HN	1,666	16,660,000	4,166	41,660,000	0.083
18	Bùi Thị Oanh	162686578	50	0.001	Nam Định	33	330,000	83	830,000	0.001
19	Trần Thị Luyến	161082832	50	0.001	Tân Anh- Lộc Hoà-Nam Định	33	330,000	83	830,000	0.001
20	Trần Thị Phương	162473523	50	0.001	Tổ 17 - Vĩnh trường - Lộc vượng - Nam Định	33	330,000	83	830,000	0.001
21	Lê Thị Dung	168017085	100	0.003	245 - Đ. Giải phóng - Nam Định	66	660,000	166	1,660,000	0.003
22	Nguyễn Thị Tươi	162686878	100	0.003	Nam Định	66	660,000	166	1,660,000	0.003
23	Vũ Thị Dung	VSDNJC12	100	0.003	Công ty cổ phần May Nam Định	66	660,000	166	1,660,000	0.003
24	Bùi Thị Trang	163108222	125	0.004	Xuân Hoà - Xuân trường - Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
25	Hoàng Thị Châm	162312389	125	0.004	113b ngõ Dầu Khí,Mỹ Xá,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
26	Hà Thị Thanh Hương	025184000725	125	0.004	Vị Lương,Nam Phong,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004

27	Lưu Xuân Giao	162714542	125	0.004	TT Xuân trường - Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
28	Mai Hoàng Anh	162496412	125	0.004	Xóm 5 Nghĩa An,Nam Trực,Tỉnh Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
29	Mai Quang Thiện	163099300	125	0.004	Xuân Ninh - Xuân trường - Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
30	Mai Thị Mên	192978578	125	0.004	Giao tân - Giao thuỷ - Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
31	Mai Thị Thuý	162929706	125	0.004	Xuân Phú - Xuân trường - Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
32	Mai Văn Lượng	162311548	125	0.004	xóm 1,Nghĩa An,Nam Trực,Tỉnh Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
33	Nguyễn Anh Tuấn	036076002220	125	0.004	15 A-Nguyễn Văn Tố,Nam Vân,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
34	Nguyễn Thị Liên	162483266	125	0.004	41/37 Đồng Tháp Mười - Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
35	Nguyễn Thị Là	036178005232	125	0.004	77/98 Nguyễn Trãi,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
36	Nguyễn Thị Minh Thu	162425343	125	0.004	7/32 Trần Huy Liệu - Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
37	Nguyễn Thị Thoa	162477148	125	0.004	Vụ bản - Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
38	Phạm Thị Hà	036174005433	125	0.004	89 Đông Mạc, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
39	Phạm Thị Khuyên	162317193	125	0.004	Cát thành - Trực ninh - Nam định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
40	Trương Thị Mai	036185012925	125	0.004	Liên Bảo, Vụ Bản, Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
41	Trần Thị Dịu	036182002206	125	0.004	Thọ nghiệp - Xuân trường - Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004

42	Trần Thị Huyền	035185004147	125	0.004	Lựu Phố,Mỹ Phúc,Mỹ Lộc,Tỉnh Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
43	Trần Thị Huyền	162946120	125	0.004	Việt hùng - Trực ninh - Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
44	Trần Thị Hạnh B	162589880	125	0.004	71 Cổng Hậu,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
45	Trần Thị Nhung	162853415	125	0.004	37/587 Trần Nhân Tông - Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
46	Trần Thị Thu Huyền	036179001858	125	0.004	14/73 Trần Nhật Duật - Vị xuyên - Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
47	Trần Thị Trà My	162429468	125	0.004	93 Phù Long,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
48	Trần Thị Tươi	168216431	125	0.004	An Ninh - Bình Lục - Hà Nam	83	830,000	208	2,080,000	0.004
49	Trịnh Thị Thúy	035180000535	125	0.004	An Nội -Bình Lục- Hà Nam	83	830,000	208	2,080,000	0.004
50	Vũ Thế Hiệp	036085002290	125	0.004	Xuân Ninh - Xuân trường - Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
51	Vũ Thị Oanh	036172002776	125	0.004	564 Trần Huy Liệu,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
52	Vũ Thị Thơm	036184014596	125	0.004	Xóm 14, Xuân Kiên, Xuân Trường, Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
53	Vũ Thị Trang	036185006684	125	0.004	Xuân Vinh - Xuân trường - Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
54	Vũ Tuấn Anh	162401809	125	0.004	Xuân Ninh - Xuân trường - Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
55	Vũ Văn Quý	036083009395	125	0.004	Xuân Kiên, Xuân Trường, Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004

56	Đinh Thị Hương	036176005185	125	0.004	37/184 - Đường 19/5 Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
57	Đinh Thị Thu Hương	162596228	125	0.004	10/33/136 Phan Đình Phùng,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
58	Đặng Thị Hải	035180001865	125	0.004	Xóm 2,Nam Nghĩa,Nam Trực,Tỉnh Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
59	Đặng Thị Trang	163096321	125	0.004	Việt hùng - Trực ninh - Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
60	Đặng Thị Tuyết	162808457	125	0.004	Xuân Vinh - Xuân trường - Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
61	Đỗ Nhật Hưng	036071003554	125	0.004	17/461 Trần Nhân Tông,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
62	Đỗ Thị Nga	036172004660	125	0.004	Xuân Ninh, Xuân Trường, Nam Định	83	830,000	208	2,080,000	0.004
63	Nguyễn Thị Nhu	VSDNJC10	225	0.007	Công ty cổ phần May Nam Định	150	1,500,000	375	3,750,000	0.007
64	Nguyễn Thị ánh	VSDNJC11	225	0.007	Công ty cổ phần May Nam Định	150	1,500,000	375	3,750,000	0.007
65	Ngô Thị Đằm	VSDNJC8	225	0.007	Công ty cổ phần May Nam Định	150	1,500,000	375	3,750,000	0.007
66	Nguyễn Thị Loan	036185001452	250	0.008	45/75 Trần Thái Tông ,P. Lộc Vượng-TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	166	1,660,000	416	4,160,000	0.008
67	Nguyễn Thị Mai Phương	162664698	250	0.008	21/165 Tân an - Lộc hoà - Nam Định	166	1,660,000	416	4,160,000	0.008
68	Phạm Thị Ngân	163090481	250	0.008	1B Nguyễn Trãi,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	166	1,660,000	416	4,160,000	0.008
69	Phạm Thị Tuyết Lan	VSDNJC6	250	0.008	Công ty cổ phần May Nam Định	166	1,660,000	416	4,160,000	0.008

70	Phạm Văn Hơn	VSDNJC9	250	0.008	Công ty cổ phần May Nam Định	166	1,660,000	416	4,160,000	0.008
71	Trần Thị Thu Loan	VSDNJC7	250	0.008	Công ty cổ phần May Nam Định	166	1,660,000	416	4,160,000	0.008
72	Vũ Thị Nga	VSDNJC4	250	0.008	Công ty cổ phần May Nam Định	166	1,660,000	416	4,160,000	0.008
73	Nguyễn Thu Hà	161332553	275	0.009	15 Hàng Cau - TP nam định	183	1,830,000	458	4,580,000	0.009
74	Nguyễn Thị Bích Thuỷ	VSDNJC3	275	0.009	Công ty cổ phần May Nam Định	183	1,830,000	458	4,580,000	0.009
75	Nguyễn Thị Hằng	162629022	275	0.009	Lô 36/65 Khu đô thị mới Hoà vượng - Nam Định	183	1,830,000	458	4,580,000	0.009
76	Nguyễn Thị Phấn	162232561	275	0.009	An Cổ,Mỹ Thành,Mỹ Lộc,Tỉnh Nam Định	183	1,830,000	458	4,580,000	0.009
77	Lê Ngọc Bích	VSDNJC1	300	0.01	CTCP May Nam Định	200	2,000,000	500	5,000,000	0.01
78	Trịnh Thị Anh	162360169	300	0.01	Trực chính - trực ninh - Nam Định	200	2,000,000	500	5,000,000	0.01
79	Đỗ Thị Phượng	162694051	300	0.01	23/155 Trần Nhân Tông,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	200	2,000,000	500	5,000,000	0.01
80	Cù Thị Bích Duyên	162685023	350	0.011	10/36 An Phong,Quang Trung,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	233	2,330,000	583	5,830,000	0.011
81	Trần Thị Thoa	162412220	350	0.011	xóm 5 ,Nam Mỹ,Nam Trực,Tỉnh Nam Định	233	2,330,000	583	5,830,000	0.011
82	Vũ Đình Hinh	160788129	350	0.011	Đại an - Vụ Bản - Nam Định	233	2,330,000	583	5,830,000	0.011
83	Lưu Thị Trang	VSDNJC5	375	0.012	Công ty cổ phần May Nam Định	250	2,500,000	625	6,250,000	0.012

84	Lại Thị Mơ(Hoa)	162715031	375	0.012	Xóm 2,Nam Vân ,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	250	2,500,000	625	6,250,000	0.012
85	Nguyễn Thị Tuyết	162299710	375	0.012		250	2,500,000	625	6,250,000	0.012
86	Trần Thị Ninh	162386989	375	0.012	CTCP May Nam Định	250	2,500,000	625	6,250,000	0.012
87	Trần Văn Dũng	036074001070	375	0.012	1/48/90 Mạc Thị Bưởi-TP Nam ĐỊnh	250	2,500,000	625	6,250,000	0.012
88	Vũ Thị Ngọc Diệu	VSDNJC2	375	0.012	CTCP May Nam Định	250	2,500,000	625	6,250,000	0.012
89	Đặng Thị Nga	162585213	375	0.012	Xóm 1 - Mỹ hưng - Mỹ lộc - Nam Định	250	2,500,000	625	6,250,000	0.012
90	Bùi Thị Anh Khuê	160101937	400	0.013	97 - Đặng Xuân Bảng - Nam Định	266	2,660,000	666	6,660,000	0.013
91	Nguyễn Thuý Thơm	162163118	425	0.014	TT trường TH Cơ điện - Trường thi - Nam Định	283	2,830,000	708	7,080,000	0.014
92	Nguyễn Văn Thêm	162192840	425	0.014	5/38 Xóm 1 Mỹ trọng - Nam Định	283	2,830,000	708	7,080,000	0.014
93	Trần Thị Hoa	162642727	425	0.014	38 - Hàng cau - Nam Định	283	2,830,000	708	7,080,000	0.014
94	Tạ Thị Hương	036178001856	425	0.014	8/11/43 Nguyễn Khuyến- TP Nam Định	283	2,830,000	708	7,080,000	0.014
95	Hoàng Thị Phượng	036177003295	450	0.015	TT Xuân trường - Nam Định	300	3,000,000	750	7,500,000	0.015
96	Hoàng Thị Khuyên	036177000294	475	0.015	Mai Xá,Mỹ Xá,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	316	3,160,000	791	7,910,000	0.015
97	Nguyễn Thị Thu Anh	036177000705	475	0.015	B1F9 TT C50,Trường Thi,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	316	3,160,000	791	7,910,000	0.015

98	Trần Mạnh Hùng	162216646	475	0.015	76 Phán Chương,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	316	3,160,000	791	7,910,000	0.015
99	Bùi Thị Dung	162614820	500	0.016	114 ĐƯờng Giải Phóng-TP Nam ĐỊnh	333	3,330,000	833	8,330,000	0.016
100	Cù Thị Bích Ngọc	162614394	500	0.016	11/19 Tràng Thi,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	333	3,330,000	833	8,330,000	0.016
101	Hoàng Thị ý	036173001509	500	0.016	Mai Xá,Mỹ Xá,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	333	3,330,000	833	8,330,000	0.016
102	Trần Thị Minh Luyến	035183001224	500	0.016	34/88 Trần Bích San - Nam Định	333	3,330,000	833	8,330,000	0.016
103	Đào Thuỳ Dương	036077000748	500	0.016	49 - Trần Hưng Đạo - Nam Định	333	3,330,000	833	8,330,000	0.016
104	Đào Thị Bình	036186006772	500	0.016	Xóm 6,Nam Vân,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	333	3,330,000	833	8,330,000	0.016
105	Nguyễn Thị Khánh	162629626	525	0.017	Gia Hòa,Lộc An,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	350	3,500,000	875	8,750,000	0.017
106	Nguyễn Thị Lan Anh	162069682	525	0.017	31B- Liên Cơ- TP Nam ĐỊnh	350	3,500,000	875	8,750,000	0.017
107	Trịnh Thị Hoà	162098909	525	0.017	116 ngõ 3- Đ. Giải phóng - Nam Định	350	3,500,000	875	8,750,000	0.017
108	Nguyễn Thị Lụa	162613962	550	0.018	328 Hoàng Văn Thụ, tp Nam Định,Nam Định	366	3,660,000	916	9,160,000	0.018
109	Phạm Thị Dung	162614449	550	0.018	28B Ngõ 63 Văn Cao - Nam Định	366	3,660,000	916	9,160,000	0.018
110	Trần Thị Hè	0316177000376	600	0.02	8 Ngõ 31 Văn Cao - Nam Định	400	4,000,000	1,000	10,000,000	0.02

111	Trần Thị Kim Loan	161330335	600	0.02	Tổ 38 Phường trường thi - Nam Định	400	4,000,000	1,000	10,000,000	0.02
112	Trần Thị Phượng	161846341	600	0.02	59/178 Trần Quang Khải- TP Nam ĐỊnh	400	4,000,000	1,000	10,000,000	0.02
113	Hoàng Thị Hiền	162272572	625	0.02	46 Chùa Phán chương A - Nam Định	416	4,160,000	1,041	10,410,000	0.02
114	Nguyễn Thị Như Trang	161780890	625	0.02	251 Tô Hiến Thành- TP Nam ĐỊnh	416	4,160,000	1,041	10,410,000	0.02
115	Trần Thị Thanh Bình	161751306	625	0.02	46/76 Trần Huy Liệu - Nam Định	416	4,160,000	1,041	10,410,000	0.02
116	Đặng Thị Nhàn	035179002327	625	0.02	1/63 Phù long A - Nam Định	416	4,160,000	1,041	10,410,000	0.02
117	Bùi Tuyết Loan	160484037	650	0.021	7/180 Hàng Tiện - Nam Định	433	4,330,000	1,083	10,830,000	0.021
118	Nguyễn Xuân Thành	036167002473	650	0.021	47 Hàng Sắt dưới- Nguyễn du - Nam Định	433	4,330,000	1,083	10,830,000	0.021
119	Phan Thị Thuý Giang	162614547	675	0.022	Đoàn Kết,Mỹ Tân,Mỹ Lộc,Tỉnh Nam Định	450	4,500,000	1,125	11,250,000	0.022
120	Đinh Thị Oanh	162445008	675	0.022	Số 7 Khu Quân nhan - Trường Thi - Nam Định	450	4,500,000	1,125	11,250,000	0.022
121	Đoàn Văn Hải	162167695	675	0.022	Lương xá - Lộc hoà - Nam Định	450	4,500,000	1,125	11,250,000	0.022
122	Vũ Thị Kim Huế	036170002705	725	0.024	Xóm 3 Mỹ trọng - Nam Định	483	4,830,000	1,208	12,080,000	0.024
123	Nguyễn Thị Anh Đào	036171006110	750	0.025	G2-F2 Khu TT Văn Miếu, Tp. Nam Định	500	5,000,000	1,250	12,500,000	0.025
124	Nguyễn Thị Hoan	161938787	750	0.025	22/62 Đ. Trường Chinh - Nam Định	500	5,000,000	1,250	12,500,000	0.025

125	Trần Huy Luận	035056000648	750	0.025	10/120 Mạc Thị Bưởi - Phường Thống Nhất - TP Nam Định	500	5,000,000	1,250	12,500,000	0.025
126	Vũ Thu Hoà	162204134	750	0.025	71A - Hùng Vương - Nam Định	500	5,000,000	1,250	12,500,000	0.025
127	Phù Thị Thu Dung	161662603	800	0.026	Đông Mạc - Lộc hạ - Nam Định	533	5,330,000	1,333	13,330,000	0.026
128	Phạm Thị Đông	162212701	800	0.026	4/68 An Phong,Quang Trung,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	533	5,330,000	1,333	13,330,000	0.026
129	Trần Thị Minh Hồng	160072337	800	0.026	70 Ngõ An Phong - Nam Định	533	5,330,000	1,333	13,330,000	0.026
130	Trần Thị Ngân	162249038	800	0.026	6A Đinh Bộ Lĩnh,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	533	5,330,000	1,333	13,330,000	0.026
131	Phan Duy Cường	162769259	825	0.027	Hồng quang - Nam trực - Nam định	550	5,500,000	1,375	13,750,000	0.027
132	Bùi Thị Trâm	036170001560	875	0.029	433 Trường chinh - Nam Định	583	5,830,000	1,458	14,580,000	0.029
133	Mai Thị Lan Hương	036182002805	875	0.029	19 Lương Ngọc Quyến-TP Nam ĐỊnh	583	5,830,000	1,458	14,580,000	0.029
134	Nguyễn Thị Nguyệt	035183000415	875	0.029	4/76,Trần Tế Xương,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	583	5,830,000	1,458	14,580,000	0.029
135	Phạm Thị Thu Hồng	037174000841	875	0.029	128 Hàng Tiện,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	583	5,830,000	1,458	14,580,000	0.029
136	Phạm Thị Thoa	161758024	900	0.03	4/16/115 Đ. Văn Cao - TP Nam Định	600	6,000,000	1,500	15,000,000	0.03
137	Tạ Thị Bích Ngọc	035170001715	900	0.03	C5P1 TT máy tơ - Văn miếu - Nam Định	600	6,000,000	1,500	15,000,000	0.03

138	Bùi Văn Sơn	036077000940	925	0.03	13/19 Cửa Trường,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	616	6,160,000	1,541	15,410,000	0.03
139	Phạm Thị Hồng Nhung	036171002596	925	0.03	42D Bắc Ô17 - Hạ long - Nam Định	616	6,160,000	1,541	15,410,000	0.03
140	Tô Anh Tuấn	161580941	925	0.03	29F Văn Cao- Văn Miếu - Nam Định	616	6,160,000	1,541	15,410,000	0.03
141	Đào Ngọc Diễm	162809980	975	0.032	56 Diên Hồng,Quang Trung,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	650	6,500,000	1,625	16,250,000	0.032
142	Phạm Mạnh Tiến	161545091	1,000	0.033	36A/4/223 Đ. Giải phóng - Nam Định	666	6,660,000	1,666	16,660,000	0.033
143	Trần Thanh Thuỷ	162171735	1,000	0.033	44 - Máy tơ - Nam Định	666	6,660,000	1,666	16,660,000	0.033
144	Trần Thị Thanh	161661119	1,000	0.033	5/79 Khu Nhà Chung - Nam Định	666	6,660,000	1,666	16,660,000	0.033
145	Trần Văn Chiêu	036060001106	1,000	0.033	24/571 Trần Nhân Tông - Nam Định	666	6,660,000	1,666	16,660,000	0.033
146	Đinh Thị Đỗ Quyên	036171001888	1,025	0.034	19 Hoàng Diệu- Nam Định	683	6,830,000	1,708	17,080,000	0.034
147	Đỗ Thị Thu Hương	036170000397	1,025	0.034	Số 9 Ngõ Văn Nhân, Phường Trần Hưng Đạo, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định	683	6,830,000	1,708	17,080,000	0.034
148	Lê Văn Trọng	161684477	1,100	0.036	160i ô 17 ,Hạ Long,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	733	7,330,000	1,833	18,330,000	0.036
149	Ngô Đình Quang	162061618	1,100	0.036	40/32 Phù long B - Nam Định	733	7,330,000	1,833	18,330,000	0.036
150	Nguyễn Thị Thuỷ	162369026	1,125	0.037	177 Đường Song Hào- TP Nam Định	750	7,500,000	1,875	18,750,000	0.037
151	Nguyễn Văn Hảo	036070005114	1,125	0.037	Xóm 8, Đồng Sơn, Ma, Trực, Nam Định	750	7,500,000	1,875	18,750,000	0.037

152	Trần Thị Giang Nam	161119123	1,175	0.039	Tổ 13 Lộc Hạ,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	783	7,830,000	1,958	19,580,000	0.039
153	Đỗ Mạnh Cường	162010057	1,175	0.039	4/5/38 Trần Quang Khải - Nam Định	783	7,830,000	1,958	19,580,000	0.039
154	Hoàng Thị Nguyệt	162041118	1,200	0.04	240 tổ 7,Văn Miếu,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	800	8,000,000	2,000	20,000,000	0.04
155	Trần Thị Thanh Loan	162212510	1,200	0.04	1/32- Điện biên - Nam Định	800	8,000,000	2,000	20,000,000	0.04
156	Trần Thị Lan	162362904	1,250	0.041	15/10/144 Xóm 1-Mỹ Trọng -Nam Định	833	8,330,000	2,083	20,830,000	0.041
157	Trần Thị Nguyệt	161898615	1,250	0.041	29C Ô19 - Hạ long - Nam Định	833	8,330,000	2,083	20,830,000	0.041
158	Trần Viết Quang	162672878	1,275	0.042	Xóm gôi- Xã Mỹ Xá- TP Nam định	850	8,500,000	2,125	21,250,000	0.042
159	Trần Thị Cúc	161816932	1,300	0.043	730 Đường Điện Biên- Lộc Hoà- Nam ĐInh	866	8,660,000	2,166	21,660,000	0.043
160	Nguyễn Thị Thu Hường	036175000429	1,325	0.044	Số 3 Nguyễn Phúc- Xã Mỹ Xá- TP Nam Định	883	8,830,000	2,208	22,080,000	0.044
161	Trần Thị Hồng Yến	162765959	1,325	0.044	14B 5 tầng số 6,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	883	8,830,000	2,208	22,080,000	0.044
162	Vũ Thị Tuyết Mai (Mận)	161763549	1,350	0.045	28A2 Ô19 - Nam Định	900	9,000,000	2,250	22,500,000	0.045
163	Cù Văn Kiên	161734745	1,400	0.046	33/269 Đ. Giải phóng - Nam Định	933	9,330,000	2,333	23,330,000	0.046
164	Phạm Thanh Hải	162627714	1,400	0.046	162 Lương Thế Vinh - Nam Định	933	9,330,000	2,333	23,330,000	0.046
165	Trịnh Thị Kim Tuyết	100416485	1,425	0.047	20/76 Văn miếu - Nam Định	950	9,500,000	2,375	23,750,000	0.047

166	Nguyễn Thị Hồng	162229507	1,475	0.049	Khu TT Thuỷ lợi - Đ. Ninh bình - Nam Định	983	9,830,000	2,458	24,580,000	0.049
167	Trần Thị Thanh Huyền	162234390	1,475	0.049	3/6 trần quang khải phường trần quang khải Nam Định	983	9,830,000	2,458	24,580,000	0.049
168	Nguyễn Thị Minh	162174157	1,500	0.05	134 Hàng Thao - Ngô Quyền - Nam Định	1,000	10,000,000	2,500	25,000,000	0.05
169	Đỗ Đức Long	161960364	1,525	0.05	Số 3 Nguyễn Phúc- Mỹ Xá- TP Nam định	1,016	10,160,000	2,541	25,410,000	0.05
170	Nguyễn Thị Như Hoa	161978127	1,650	0.055	196I Bắc Ô17 Hạ long - Nam Định	1,100	11,000,000	2,750	27,500,000	0.055
171	Trần Thị Huế(Hiên)	036173000524	1,650	0.055	177 Vũ Hữu Lợi -Cửa Nam- Nam Định	1,100	11,000,000	2,750	27,500,000	0.055
172	Trần Thị Nhị Thơm	162119108	1,650	0.055	Xóm 1 - Mỹ tân - Nam Định	1,100	11,000,000	2,750	27,500,000	0.055
173	Chu Thị Ninh	035171001631	1,675	0.055	Ngõ 4 - Đ. Giải phóng - Nam Định	1,116	11,160,000	2,791	27,910,000	0.055
174	Trần Thị Phượng	036172001026	1,675	0.055	67B Phán Chương ,Văn Miếu,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	1,116	11,160,000	2,791	27,910,000	0.055
175	Đào Thị Thanh Thuỷ	036171004125	1,675	0.055	8/63 Đ. Việt Trân - Cửa bắc -Nam Định	1,116	11,160,000	2,791	27,910,000	0.055
176	Nguyễn Thị Cúc	160485760	1,700	0.056	76/109 Đ. Điện biên - Cửa bắc - Nam Định	1,133	11,330,000	2,833	28,330,000	0.056
177	Vũ Văn Hưng	162076223	1,700	0.056	59 - Lê Hồng Sơn - Nam Định	1,133	11,330,000	2,833	28,330,000	0.056
178	Trần Thị Năng	162270962	1,725	0.057	25H bắc Ô 17,Hạ Lo0ng,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	1,150	11,500,000	2,875	28,750,000	0.057

179	Vũ Mạnh An	162354283	1,800	0.06	34E Tống Văn trân- P. Trần HƯng Đạo- Nam Định	1,200	12,000,000	3,000	30,000,000	0.06
180	Đinh Kim Thu	161420328	1,800	0.06	70 An phong - Nam Định	1,200	12,000,000	3,000	30,000,000	0.06
181	Đinh Văn Hà	037060001557	1,800	0.06	9E Hàng Cau - Nam Định	1,200	12,000,000	3,000	30,000,000	0.06
182	Bùi Thị Kim Thoa	161763412	1,900	0.063	11/49 Trần phú - TP Nam định	1,266	12,660,000	3,166	31,660,000	0.063
183	Nguyễn Thị Kim Hương	161831227	1,925	0.064	119 Đường kênh Cửa Bắc - Nam Định	1,283	12,830,000	3,208	32,080,000	0.064
184	Phạm Tuấn Anh	162575158	1,950	0.065	5/47 Phù Long B -Nam Định	1,300	13,000,000	3,250	32,500,000	0.065
185	Đỗ Minh Nguyệt	036172000174	1,950	0.065	46/14/144 Đường Trần Đăng Ninh - Nam Định	1,300	13,000,000	3,250	32,500,000	0.065
186	Trần Văn Long	162010046	1,975	0.065	32 Hàng Cau - Nam Định	1,316	13,160,000	3,291	32,910,000	0.065
187	Trần Như Bình	161901120	2,000	0.066	238B Hoàng Văn Thụ - Nam Định	1,333	13,330,000	3,333	33,330,000	0.066
188	Nguyễn Thị Hiền Lương	036177007355	2,150	0.071	39/79 Trường Chinh, TP Nam Định, Nam Định	1,433	14,330,000	3,583	35,830,000	0.071
189	Nguyễn Thị Tuyết	162817955	2,150	0.071	53/A3 Đông Thanh - Nam Định	1,433	14,330,000	3,583	35,830,000	0.071
190	Lê Thị Thu Hiền	162057598	2,350	0.078	279- Đường Hưng Yên- Nam Định	1,566	15,660,000	3,916	39,160,000	0.078
191	Trần Thị Vũ Thanh	024166000151	2,375	0.079	11 Xóm 2 Mỹ trọng - Nam Định	1,583	15,830,000	3,958	39,580,000	0.079
192	Nguyễn Thị Xuyến	162061244	2,425	0.08	118 Xóm 1 Mỹ trọng - Mỹ Xá- Nam Định	1,616	16,160,000	4,041	40,410,000	0.08
193	Nguyễn Thị Minh Hải	160066566	2,475	0.082	37/141 Phan Đình Phùng - Nam Định	1,650	16,500,000	4,125	41,250,000	0.082

194	Trần Hưng Bình	030920422	2,500	0.083	Số 8 cầu thang 5 A6 Vạn Mỹ - Ngô Quyền - Hải Phòng	1,666	16,660,000	4,166	41,660,000	0.083
195	Nguyễn Phương Mai	161924296	2,525	0.084	375 Đ. Trường Chinh - Nam Định	1,683	16,830,000	4,208	42,080,000	0.084
196	Nghiêm Thị Kim Bình	036154000129	2,575	0.085	51/160 Trần Nhật Duật - Nam Định	1,716	17,160,000	4,291	42,910,000	0.085
197	Nguyễn Thị Kim Loan	160033964	2,700	0.09	377- Đường Trường Chinh- Nam Định	1,800	18,000,000	4,500	45,000,000	0.09
198	Đinh Thị Sen	036176005540	2,725	0.09	38 Hàng Cau,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	1,816	18,160,000	4,541	45,410,000	0.09
199	Phạm Kiều Trang	162057613	2,750	0.091	184 Đô thị Hòa Vượng,Lộc Hòa,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	1,833	18,330,000	4,583	45,830,000	0.091
200	Vũ Thị Hạnh	036175000437	2,800	0.093	5/54 Hưng Yên,TP Nam Định,Tỉnh Nam Định	1,866	18,660,000	4,666	46,660,000	0.093
201	Nguyễn Thanh Thủy	162194543	2,850	0.095	69 Lê Quý Đôn, Nam Định	1,900	19,000,000	4,750	47,500,000	0.095
202	Mai Văn Lương	037057000064	3,100	0.103	14A - Đ. Thái bình - Nam Định	2,066	20,660,000	5,166	51,660,000	0.103
203	Trần Minh Phương	162167234	3,100	0.103	18/53 Hoàng Văn Thụ - Nam Định	2,066	20,660,000	5,166	51,660,000	0.103
204	Trần Đình Thi	160041673	3,225	0.107	30/198 Phan Đình Phùng - Nam Định	2,150	21,500,000	5,375	53,750,000	0.107
205	Đinh Thị My	036171000236	3,425	0.114	9/160 Trần Nhật Duật - TP Nam Định	2,283	22,830,000	5,708	57,080,000	0.114
206	Đặng Thị Ngọ	162627777	3,700	0.123	4/1 Khu 5T số 1 Trần Đăng Ninh - Nam Định	2,466	24,660,000	6,166	61,660,000	0.123
207	Bùi Huy Vinh	161770798	3,950	0.131	Thành Lợi- Vụ bản- Nam Định	2,633	26,330,000	6,583	65,830,000	0.131

208	Bùi Thị Thu Hoa	036169000246	4,050	0.135	59C Khu gia đình quân nhân .Phường Cửa Bắc - Nam Định	2,700	27,000,000	6,750	67,500,000	0.135
209	Trần Văn Hải	161580717	4,050	0.135	Ngõ 1 XÓm 3- Tân An- Lộc Hòa- Nam Định	2,700	27,000,000	6,750	67,500,000	0.135
210	Lê Thị Phượng	036174001348	4,075	0.135	Tổ 38 - Trường thi - Nam Định	2,716	27,160,000	6,791	67,910,000	0.135
211	Nguyễn Thị Mai Phương	161751582	4,375	0.145	Số 78C Văn Cao - Nam Định	2,916	29,160,000	7,291	72,910,000	0.145
212	Ngô Thị Kim Thuý	161898282	4,375	0.145	29/90 Đ. Văn cao - Nam Định	2,916	29,160,000	7,291	72,910,000	0.145
213	Trần Thị Hằng	033168000904	4,425	0.147	3/50 Đ. Hưng Yên- P. Quang Trung- Nam Định	2,950	29,500,000	7,375	73,750,000	0.147
214	Hoàng Thị Len	036171000234	4,475	0.149	Lộc an - Nam Định	2,983	29,830,000	7,458	74,580,000	0.149
215	Nguyễn Hữu Đoàn	030962473	5,000	0.166	194 Lý Thường Kiệt, Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng, Viet Nam	3,333	33,330,000	8,333	83,330,000	0.166
216	Phạm Đình Lâm	161709225	5,475	0.182	18D3/99 Đ.Kênh - Cửa bắc - Nam Định	3,650	36,500,000	9,125	91,250,000	0.182
217	Hoàng Thị Hoa	161159330	5,525	0.184	84 Phù Long A - Nam Định	3,683	36,830,000	9,208	92,080,000	0.184
218	Nguyễn Văn Hiến	162311252	5,550	0.185	11/68 Trường Chinh - Nam Định	3,700	37,000,000	9,250	92,500,000	0.185
219	Nguyễn Thị Chà	161329315	5,800	0.193	13/7 Gốc mít - Vị xuyên - Nam Định	3,866	38,660,000	9,666	96,660,000	0.193
220	Bùi Quang Dũng	162010877	5,925	0.197	109 Trương Hán Siêu- TP Nam ĐỊnh	3,950	39,500,000	9,875	98,750,000	0.197
221	Trần Quang Phát	163090562	6,300	0.21	193 Hải Bà Trưng- Tp Nam định	4,200	42,000,000	10,500	105,000,000	0.21
222	TRẦN TUẤN NGHĨA	162809047	6,450	0.215	46 VĂN CAO NAM ĐỊNH	4,300	43,000,000	10,750	107,500,000	0.215

223	Nguyễn Thị Thanh Huyền	036170003296	7,175	0.239	32/62 Đ. Trường Chinh - Nam Định	4,783	47,830,000	11,958	119,580,000	0.239
224	Nguyễn Thị Đông	035163000119	7,500	0.25	28/88 TRần Quang Khải- Phường Quang Trung- Q. Hồng Bàng- HảI Phòng	5,000	50,000,000	12,500	125,000,000	0.25
225	Ngô Tú Linh	161557052	7,675	0.255	236 Hoàn Văn Thụ - Nam Định	5,116	51,160,000	12,791	127,910,000	0.255
226	Nguyễn Hùng Đinh	034062003064	7,750	0.258	07 - Trần Quang Khải - Nam Định	5,166	51,660,000	12,916	129,160,000	0.258
227	Nguyễn Thanh Hoài	036065001950	7,825	0.26	136 - Máy tơ - Nam Định	5,216	52,160,000	13,041	130,410,000	0.26
228	Nguyễn Quang Thắng	161837353	8,000	0.266	176 Lê Hồng phong - Nam Định	5,333	53,330,000	13,333	133,330,000	0.266
229	Phạm Đình Lưu	161580711	8,000	0.266	215 Đ. 19/5 Trần Tế Xương - Nam Định	5,333	53,330,000	13,333	133,330,000	0.266
230	Đào Thị Thìn	160041670	8,700	0.29	48/15/2 Trần Bích San- TP Nam ĐỊnh	5,800	58,000,000	14,500	145,000,000	0.29
231	Nguyễn Thanh Sơn	162642630	9,075	0.302	44 Đường Trần Quang Khải- Nam Định	6,050	60,500,000	15,125	151,250,000	0.302
232	Nguyễn Thị Phương Hoa	161830303	9,875	0.329	7/25 Trần Huy Liệu - Nam Định	6,583	65,830,000	16,458	164,580,000	0.329
233	Phí Thị Ngọc Hoa	036171002733	9,900	0.33	1/3C TT Bông vải sợi - Trần Hưng Đạo - Nam Định	6,600	66,000,000	16,500	165,000,000	0.33
234	Công ty Cổ phần đầu tư K:	0104078709	10,000	0.333	Tầng 17 TN CEO lô HH2-1 Đ. Phạm Hùng- Mễ trì -HN	6,666	66,660,000	16,666	166,660,000	0.333
235	Trương Văn Đạt	161901811	10,075	0.335	3/57 Bến Ngự, Nam Định	6,716	67,160,000	16,791	167,910,000	0.335
236	Đỗ Thị Minh Đạt	160042447	10,525	0.35	101 (111)- Đ. Kênh - Cửa Bắc - Nam Định	7,016	70,160,000	17,541	175,410,000	0.35

237	Trần Quốc Tuấn	161225077	11,050	0.368	11 Trần Quốc Toản - Nam Định	7,366	73,660,000	18,416	184,160,000	0.368
238	NGUYỄN THỊ AN GIAN	011666654	12,500	0.416	Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	8,333	83,330,000	20,833	208,330,000	0.416
239	Nguyễn Thị Thanh Hiếu	011778107	12,500	0.416	11, ngõ 111, tổ 70 Đồng Tâm, Hai Bà , Hà Nội	8,333	83,330,000	20,833	208,330,000	0.416
240	Trần Thị Anh Trà	010319469	12,500	0.416	R1A P1012A Royal City 72 A Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	8,333	83,330,000	20,833	208,330,000	0.416
241	Trần Văn Hiền	038060000046	12,500	0.416	20/27 Ngõ Thịnh Hào 3 - Tôn Đức Thắng - HN	8,333	83,330,000	20,833	208,330,000	0.416
242	Vũ Thị Minh Hằng	036168003942	13,075	0.435	67 -Bắc ninh - Nam Định	8,716	87,160,000	21,791	217,910,000	0.435
243	Nguyễn Thị Thanh Phương	160006683	13,575	0.452	46 Tô Hiệu - Nam Định	9,050	90,500,000	22,625	226,250,000	0.452
244	Đỗ Tiến Dũng	036052001479	14,300	0.476	277 - Đường Hưng Yên - Nam Định	9,533	95,330,000	23,833	238,330,000	0.476
245	Nguyễn Thị Kim Chi	036174002528	15,850	0.528	54K Ô18 Hạ long - Nam Định	10,566	105,660,000	26,416	264,160,000	0.528
246	Trần Thị Lê Vân	010426757	17,500	0.583	77 Thụy Khuê, Tây Hồ, HN	11,666	116,660,000	29,166	291,660,000	0.583
247	Trần Thị Bích Liên	160042024	20,125	0.67	21/268 Phường Xuân Đỉnh- Quận Bắc Từ Liêm- Hà Nội	13,416	134,160,000	33,541	335,410,000	0.67
248	Nguyễn Thái Dương	160041771	20,475	0.682	10/38 Phan Bội Châu - Nam Định	13,650	136,500,000	34,125	341,250,000	0.682
249	Nguyễn Thị Hoa	162575426	27,875	0.929	88 Nguyễn Hiền, Nam Định	18,583	185,830,000	46,458	464,580,000	0.929

250	Nguyễn Xuân Mạnh	036090001366	30,625	1.02	27A- Đường Hoàng Văn Thụ- TP Nam Định	20,416	204,160,000	51,041	510,410,000	1.02
251	Phạm Thị Ngân	162316066	35,225	1.174	76 Đường Chu Văn An-TP Nam ĐỊnh	23,483	234,830,000	58,708	587,080,000	1.174
252	Đinh Trần Lợi	011351077	37,500	1.25	Số 32D Cửa Bắc, Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội	25,000	250,000,000	62,500	625,000,000	1.25
253	Trần Thị Đức	162650963	46,125	1.537	1/32 Điện Biên - TP Nam ĐỊnh	30,750	307,500,000	76,875	768,750,000	1.537
254	Trần ánh Dương	036170001669	48,050	1.601	76 Đường Chu Văn An-TP Nam ĐỊnh	32,033	320,330,000	80,083	800,830,000	1.601
255	Nguyễn Thị Lê	162650275	57,750	1.925	27A Hoàng Văn Thụ - Nam Định	38,500	385,000,000	96,250	962,500,000	1.925
256	ĐỖ QUANG NAM	036071001807	69,925	2.33	25 Lê Quý Đôn, P. Thống nhất, TP Nam định	46,616	466,160,000	116,541	1,165,410,000	2.33
257	Phạm Văn Toản	161901492	110,800	3.693	9/87 Máy tơ - Nam Định	73,866	738,660,000	184,666	1,846,660,000	3.693
III	**Cổ phiếu quỹ: không có**									
TỔNG CỘNG			**3,000,000**	**99.903**		**1,999,914**	**19,999,140,000**	**4,999,914**	**49,999,140,000**	**99.903**